

Số: 65/HT-QLKH  
V/v thông báo sơ tuyển đề tài nghiên cứu KH&CN  
năm 2012 của TP. HCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 06 năm 2011

**Kính gửi: - Lãnh đạo các đơn vị thuộc Trường**

Theo tinh thần công văn số 395/SKHCN-QLKH ngày 19 tháng 05 năm 2011 về việc sơ tuyển đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ năm 2012 của TP.HCM, Phòng Hợp tác-Quản lý khoa học xin thông báo đến các đơn vị trong trường về việc đăng ký đề tài Nghiên cứu Khoa học Cấp Thành phố năm 2012 một số nội dung sau đây:

- A. Đối tượng: Tất cả các Giảng viên, Cán bộ nhân viên trong trường đáp ứng đầy đủ các điều kiện tham gia sơ tuyển đề tài do Sở KH&CN TP. HCM quy định (*file đính kèm*).
- B. Mục tiêu và nội dung nghiên cứu: (*file đính kèm*)
- C. Hồ sơ tham gia sơ tuyển: theo mẫu (*file đính kèm*) hoặc vào trang website: [www.dost.hochiminhcity.gov.vn](http://www.dost.hochiminhcity.gov.vn) để download mẫu, gồm:
  1. Phiếu đăng ký đề tài, dự án KH&CN sơ tuyển năm 2012.
  2. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký đề tài.
  3. Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì đề tài.
  4. Danh mục phụ lục đính kèm (*nếu có*)
  5. Riêng hồ sơ đăng ký dự án KH&CN cần kèm theo các văn bản, tài liệu liên quan các đề tài KH&CN đã được nghiệm thu.

❖ **Lưu ý:** Các mẫu mục 1, 2, 3 có xác nhận của nhà Trường.
- D. Thời gian nhận hồ sơ: *từ ngày 08/06/2011 đến hết ngày 30/07/2011.*
- E. Địa điểm nhận hồ sơ đăng ký:  
Hồ sơ gửi trực tiếp đúng hạn về Phòng Quản lý Khoa học – Sở Khoa học & Công nghệ TP.HCM, số 244 Điện Biên Phủ, Quận 3, TP.HCM (**Mỗi bộ hồ sơ gồm 01 bản gốc và 11 bản sao**); hoặc gửi qua đường bưu điện, thời hạn được tính kể từ ngày ghi dấu của bưu điện.

Kính đề nghị Lãnh đạo các đơn vị quan tâm, thông báo đến toàn thể Giảng viên, Cán bộ Nhân viên trong đơn vị biết để tham gia đăng ký.

Trân trọng.

*Nơi nhận:*

- BGH “*đề báo cáo*”;
- Như trên;
- Lưu: VT, NVT.



**Đinh Uyên Phương**



Số: **395**/SKHCN-QLKH

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 05 năm 2011*

V/v thông báo sơ tuyển đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ năm 2012 của TP.HCM

Kính gửi:

- Các Sở ban ngành, Quận, Huyện;
- Các trường Đại học, Viện nghiên cứu;
- Các tổ chức, cá nhân hoạt động KH&CN

- Căn cứ Quyết định số 3187/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2007 của UBNDTP về việc ban hành Quy chế quản lý các chương trình, đề tài, dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ TP.HCM;
- Căn cứ vào định hướng Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ TP.HCM giai đoạn 2011-2015;
- Căn cứ mục tiêu và nội dung đề xuất của Ban chủ nhiệm các chương trình Khoa học - Công nghệ TP.HCM nhằm triển khai kế hoạch khoa học và công nghệ năm 2012;

Sở Khoa học và Công nghệ TP.HCM xin giới thiệu các mục tiêu và nội dung tập trung ưu tiên cho kế hoạch khoa học và công nghệ năm 2012 theo các lĩnh vực chủ yếu sau đây và các quy định các điều kiện cho cá nhân và tổ chức tham gia sơ tuyển đề tài. Các nội dung đặt hàng nghiên cứu khoa học và công nghệ bổ sung của Lãnh đạo thành phố sẽ được thông báo sau.

#### **A - MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC NĂM 2012**

1. Chương trình Công nghệ Thông tin và Điện tử Viễn thông
2. Chương trình Công nghệ Sinh học
3. Chương trình Vật liệu mới và Công nghệ Dược
4. Chương trình Quản lý Đô thị
5. Chương trình Môi trường, Tài nguyên và Biến đổi khí hậu
6. Chương trình Khoa học Xã hội và Nhân văn
7. Chương trình Giáo dục – Thể dục Thể thao và Phát triển nguồn nhân lực
8. Chương trình Công nghệ Công nghiệp và Tự động hóa
9. Chương trình Nông nghiệp và Công nghệ Thực phẩm
10. Chương trình Y tế
11. Chương trình Vườn ươm Sáng tạo Khoa học và Công nghệ trẻ
12. Chương trình Khoa học và Công nghệ Năng lượng và các Dự án sản xuất thử nghiệm



## **Chương trình số 1: Công nghệ Thông tin và Điện tử Viễn thông**

### **\* Mục tiêu :**

1. Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ nhu cầu quản lý nhà nước trong quy hoạch đô thị, chống ngập, sử dụng đất, chống kẹt xe, môi trường .v.v.
2. Tạo ra các dòng sản phẩm ứng dụng bản đồ số cho các thiết bị di động, phục vụ quản lý đối tượng (con người, vận tải, giao thông)
3. Tạo ra các dòng sản phẩm điện tử có thể cạnh tranh với các sản phẩm hiện có nhập từ các nước trong khu vực,...
4. Hướng tới nghiên cứu ra sản phẩm cụ thể phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của TP.HCM nói riêng và thị trường cả nước nói chung.

### **\* Nội dung :**

1. Nghiên cứu cho ra các sản phẩm công nghệ, hệ thống thông tin địa lý giải quyết các bài toán phục vụ giao thông, quy hoạch đô thị, quản lý môi trường, y tế, an ninh xã hội thành phố.
2. Nghiên cứu các công nghệ mới, cải tiến các công nghệ đã có trên thế giới (RFID, Ipv4, Ipv6,...) nhằm tạo ra các dòng sản phẩm công nghệ phù hợp với điều kiện Việt Nam thay thế sản phẩm nhập khẩu từ Trung Quốc, Đài Loan,...
3. Nghiên cứu và thiết kế các vi xử lý sử dụng trong lĩnh vực điện tử dân dụng nhằm thế dần các chip nhập khẩu nước ngoài, kết hợp với các công ty trên địa bàn TP.
4. Nghiên cứu thiết kế, chế tạo những sản phẩm, linh kiện, vật liệu điện tử mới, như sản phẩm công nghệ nano, cảm biến, cơ điện tử,... phục vụ thiết kế, chế tạo các thiết bị.
5. Thiết kế, chế tạo các thiết bị kiểm định, kiểm chuẩn cho ngành điện, điện tử và các ngành khác.
6. Nghiên cứu xây dựng các phần mềm ứng dụng cho các cơ quan quản lý nhà nước nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, thống kê, dự báo, hoạch định kế hoạch của đơn vị.
7. Cứng hóa các hệ mã thông dụng dùng cho các ứng dụng liên quan đến an ninh thông tin. Nghiên cứu cơ bản về các phương pháp thám mã.
8. Nghiên cứu các giải pháp, ứng dụng liên quan đến các vấn đề về an ninh mạng, bảo vệ thông tin phục vụ quản lý nhà nước và hoạt động của doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn TP. HCM.
9. Nghiên cứu phần mềm quản lý hệ thống dựa trên công nghệ "Ảo hóa", điện toán "Đám mây", phục vụ việc chia sẻ thông tin cho các hệ thống cần nhu cầu tính toán lớn phục vụ: giao thông, y sinh học, hoá, môi trường, .v.v.
10. Nghiên cứu các ứng dụng phần mềm nhúng phục vụ cho các ngành điện - điện tử, cơ khí, tự động hóa, máy móc thiết bị nhập từ nước ngoài (đã hết licence), .v.v.

## **Chương trình số 2: Công nghệ Sinh học**

### **\* Mục tiêu**

1. Nghiên cứu và tạo ra một số công nghệ mới trong các lĩnh vực: y dược, nông nghiệp, thực phẩm và an toàn vệ sinh thực phẩm, vật liệu, bảo vệ môi trường.
2. Phát triển và ứng dụng các công nghệ nền của công nghệ sinh học làm cơ sở để sản xuất ở qui mô công nghiệp các sản phẩm sinh học có năng suất và chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Tp. HCM nói riêng và cả nước nói chung.



**\* Nội dung**

**(1). Lĩnh vực y dược:**

1. Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ tế bào gốc phục vụ điều trị bệnh ở người;
2. Nghiên cứu phát triển các kỹ thuật hiện đại, các sản phẩm phục vụ chẩn đoán bệnh ở người, sản xuất thử nghiệm các sinh phẩm trong phòng ngừa, điều trị các bệnh truyền nhiễm ở người;
3. Nghiên cứu và sản xuất các loại vắc-xin thế hệ mới;
4. Nghiên cứu các chất có hoạt tính sinh học từ động vật, thực vật và vi sinh vật để sản xuất các loại thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.

**(2). Lĩnh vực nông nghiệp:**

1. Nghiên cứu tạo các giống rau, hoa, cây kiểng và cây lâm nghiệp, sạch bệnh, có năng suất, chất lượng cao;
2. Nghiên cứu, phát triển kỹ thuật thao tác trên phôi, thụ tinh trong ống nghiệm, công nghệ chuyển gen, trong việc chọn giống, nhân giống, cải thiện giống nhằm tăng năng suất và chất lượng vật nuôi, thủy sản có tầm quan trọng về kinh tế;
3. Nghiên cứu sản xuất quy mô công nghiệp các chế phẩm sinh học sử dụng trong nông nghiệp (bảo vệ cây trồng, chế biến và bảo quản nông sản, sản xuất thức ăn chăn nuôi,...);
4. Nghiên cứu và nâng cao năng lực sản xuất vắc-xin thú ý, đặc biệt là các công nghệ mới, vắc-xin thế hệ mới phòng chống bệnh cúm gia cầm, (gia cầm, bệnh lở mồm long móng gia súc) và các bệnh nguy hiểm khác ở vật nuôi.

**(3). Lĩnh vực bảo vệ môi trường:**

1. Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học để tạo các công nghệ, sản phẩm thân thiện với môi trường;
2. Nghiên cứu và ứng dụng các chế phẩm sinh học trong cải thiện đất trồng, thủy vực nuôi trồng thủy sản, xử lý nước thải, rác thải và ô nhiễm không khí.

**(4). Lĩnh vực chế biến thực phẩm:**

1. Nghiên cứu công nghệ hóa sinh, vi sinh trong chế biến thực phẩm nhằm đa dạng hóa sản phẩm phục vụ tiêu dùng;
2. Nghiên cứu, phát triển các kỹ thuật mới để phát hiện, kiểm tra nhanh vi sinh vật gây bệnh, các chất độc hại trong thực phẩm, góp phần giám sát an toàn vệ sinh thực phẩm.

**Chương trình số 3: Vật liệu mới và Công nghệ Dược**

**\* Mục tiêu:**

1. Xây dựng nền công nghệ vật liệu có cơ sở vững chắc và cơ cấu đồng bộ, có đủ năng lực để đáp ứng nhu cầu sản xuất những vật liệu phục vụ các ngành công nghiệp như: năng lượng, xây dựng, cơ khí chế tạo máy, điện tử, bảo vệ môi trường...
2. Nghiên cứu và triển khai sản xuất các loại vật liệu có tính năng kỹ thuật mới, hiện đại trên cơ sở nguồn nguyên liệu sẵn có trong nước và áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật trong và ngoài nước.
3. Gắn quá trình nghiên cứu với thực tiễn sản xuất của các doanh nghiệp dược nhằm nâng cao năng lực sản xuất thuốc trong nước, ưu tiên các dạng bào chế công nghệ cao, chú trọng phát triển hóa dược và dược liệu.

**\* Nội dung:**

**(1). Vật liệu kim loại:**

1. Công nghệ luyện kim để sản xuất thép và các loại vật liệu kim loại cơ bản không sử dụng than.



2. Công nghệ luyện thép chất lượng cao, thép hợp kim phục vụ cho ngành cơ khí chế tạo máy, công nghiệp hóa chất, xi măng, dầu khí, quốc phòng...
3. Công nghệ sản xuất các kim loại sạch và siêu sạch, các kim loại quý hiếm, công nghệ sản xuất các vật liệu kỹ thuật tiên tiến trên cơ sở đất hiếm.
4. Công nghệ sản xuất các hợp kim đặc biệt dùng trong công nghiệp điện và điện tử.

**(2). Vật liệu xây dựng:**

1. Các loại xi măng bền sulfate, dùng trong công nghiệp khoan và khai thác dầu khí...
2. Các loại vật liệu xây dựng cho nền đất yếu, chịu tải trọng thấp...
3. Các loại vật liệu cách nhiệt, cách âm dùng trong xây dựng dân dụng...

**(3). Vật liệu gốm sứ, thủy tinh:**

1. Công nghệ sản xuất gốm sứ có tính năng kỹ thuật cao thay thế một số loại thép và hợp kim.
2. Công nghệ sản xuất gốm xốp và màng xúc tác... dùng trong việc xử lý ô nhiễm môi trường.
3. Công nghệ sản xuất thủy tinh y tế, thủy tinh cách điện, sợi thủy tinh cách nhiệt, sợi thủy tinh làm cốt cho các vật liệu tổ hợp.

**(4). Vật liệu cao phân tử:**

1. Công nghệ sản xuất vật liệu tổ hợp trên cơ sở vật liệu cao phân tử nhiệt dẻo, nhiệt rắn tăng cường bằng sợi thủy tinh, sợi carbon...
2. Công nghệ sản xuất các vật liệu cao cấp và vật liệu tổ hợp từ cao su thiên nhiên, nhựa thực vật và dầu thực vật.
3. Công nghệ sản xuất sơn và các vật liệu tổ hợp bảo vệ chống ăn mòn kim loại...
4. Công nghệ sản xuất các loại màng cao phân tử sinh học hoặc dễ phân hủy sinh học để đáp ứng công tác bảo vệ môi trường.

**(5). Vật liệu điện tử:**

1. Công nghệ sản xuất các loại vật liệu và linh kiện cảm biến (bán dẫn, siêu dẫn, các chất dẫn điện mới, gốm dẫn điện) sử dụng trong các thiết bị đo, thiết bị tự động hóa, sinh học, y học...

**(6). Vật liệu Nano:**

1. Nghiên cứu ứng dụng các loại vật liệu nano trong công nghệ sản xuất các sản phẩm mực in, các chất cảm quang sử dụng trong điện tử và bán dẫn.

**(7). Vật liệu màng mỏng:**

1. Nghiên cứu công nghệ chế tạo các loại màng cơ làm lớp chống mài mòn cho các dụng cụ khoan cắt, gọt
2. Nghiên cứu công nghệ chế tạo các loại màng oxit kim loại, ứng dụng làm màng dẫn điện trong suốt để chế tạo các loại cảm biến khí, pin mặt trời, các màng nhiệt sắc, điện sắc.
3. Nghiên cứu công nghệ chế tạo các loại màng có kích thước nano.

**(8). Công nghiệp Dược:**

1. Ưu tiên nghiên cứu và sản xuất thuốc mới từ nguồn dược liệu trong nước đáp ứng nhu cầu và xuất khẩu;
2. Ưu tiên phát triển công nghệ sản xuất nguyên liệu hóa dược;
3. Ưu tiên nghiên cứu triển khai bào chế các hệ thống trị liệu mới, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ mới trong bào chế và chiết xuất;
4. Nghiên cứu phát triển thuốc mang tên gốc (thuốc generic) thay thế dược phẩm



- ngoại nhập;
5. Nghiên cứu sản xuất vaccin thể hệ mới, thuốc điều trị có nguồn gốc protein tái tổ hợp;
  6. Xây dựng và chuẩn hoá các mô hình dược lý thực nghiệm để thử hiệu lực của thuốc trên một số bệnh có tần suất cao, dược lý tế bào, dược lý phân tử;
  7. Nghiên cứu phân tích kiểm nghiệm, tiêu chuẩn hóa phục vụ sản xuất dược phẩm.

#### **Chương trình số 4: Quản lý Đô thị**

##### **\* Mục tiêu:**

1. Tập trung nghiên cứu để xác lập các cơ sở khoa học nhằm giải quyết những vấn đề bức xúc của thành phố trong quá trình phát triển đô thị như:
  - Đề án quy hoạch ngầm đô thị (hạ tầng kỹ thuật đô thị);
  - Thoát nước - chống ngập đô thị;
  - Tất nghẽn giao thông và phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng;
  - Hoàn thiện công tác quy hoạch xây dựng, thiết kế và quản lý đô thị;
  - Đề xuất chính sách khả thi để phát triển nhà ở xã hội;
  - Kinh tế đô thị ...
2. Chú trọng nghiên cứu các cơ chế, chính sách về quản lý xã hội đô thị.

##### **\* Nội dung:**

#### **(1). Quản lý phát triển đô thị:**

1. Nguồn nhân lực cho quản lý đô thị của thành phố.
2. Cơ chế, chính sách quản lý sau quy hoạch.
3. Cơ chế phát triển nhà ở xã hội.
4. Đánh giá hiệu quả của các dự án đã đưa vào sử dụng trong các lĩnh vực về giao thông, thoát nước, chống ngập...

#### **(2). Quy hoạch, kiến trúc và xây dựng đô thị:**

1. Quy hoạch ngầm đô thị và khai thác hạ tầng kỹ thuật.
2. Nghiên cứu mô hình quản lý đô thị cấp quận, huyện (lấy xây dựng mới, cải tạo, chỉnh trang làm nền tảng).
3. Nghiên cứu phương thức quản lý chỉnh trang đô thị đặc thù của thành phố theo hướng bảo tồn kiến trúc cảnh quan (lấy khu biệt thự Quận 3 làm trọng điểm).
4. Nghiên cứu giải pháp cải tạo và chỉnh trang khu trung tâm Chợ Lớn (lấy Quận 5 làm nơi liên kết kiến trúc đô thị mang đặc thù "China Town").
5. Nghiên cứu đề xuất bộ tiêu chí về hệ số xây dựng và sử dụng.
6. Giải pháp an toàn cho thi công.
7. Nhà chống gió bão rẻ tiền.
8. Giải pháp đầu tư công nghệ tiên tiến trong hoạt động tư vấn, thi công...

#### **(3). Giao thông và chống ngập đô thị:**

1. Mô hình quản lý tích hợp giao thông đô thị.
2. Nghiên cứu phương hướng phát triển hệ thống giao thông thủy góp phần chống kẹt xe đô thị.
3. Nghiên cứu phương thức kết nối giao thông đô thị hướng tới chống kẹt xe đô thị (kết nối phương tiện giao thông, phương thức giao thông và kết nối vùng...).
4. Nghiên cứu giải pháp chống ngập đô thị và vùng ven sông rạch TP.HCM.
5. Chống xói lở ven bờ.



#### **(4). Kinh tế đô thị :**

1. Nghiên cứu giải pháp tiết kiệm vốn đầu tư trong cải tạo và phát triển đô thị.
2. Nghiên cứu cơ chế, chính sách tư nhân hóa (PPP) trong đầu tư xây dựng và khai thác hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng xã hội đô thị.
3. Nghiên cứu đề xuất các công cụ tài chính trong việc kích thích đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật và các công trình công cộng.
4. Cơ chế chính sách để tạo vốn cho đầu tư và điều tiết nguồn lợi do quy hoạch, do thực hiện quy hoạch và do tăng diện tích xây dựng để sử dụng và khai thác kinh doanh...

#### **Chương trình số 5: Môi trường, Tài nguyên và Biến đổi khí hậu**

##### **\* Mục tiêu:**

1. Xây dựng và đề xuất cơ sở khoa học và thực tiễn, các giải pháp công nghệ và quản lý có hiệu quả nhằm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên tại TP. HCM, góp phần bảo vệ môi trường phát triển bền vững đất nước.
2. Nghiên cứu giải pháp công nghệ và quản lý nhằm bước đầu giảm thiểu các ảnh hưởng tiêu cực và thích ứng với biến đổi khí hậu.
3. Lồng ghép các nội dung nghiên cứu khoa học phục vụ cho các chương trình lớn cũng như một số quy hoạch của thành phố: Chương trình đột phá về BVMT của Thành ủy; Chương trình Nông thôn mới của Bộ Chính trị và Thành ủy; Chương trình Phát triển đô thị định hướng đến 2025 của TP. HCM

##### **\* Nội dung:**

##### **(1). Quản lý môi trường:**

1. Nghiên cứu xây dựng chiến lược và cơ chế, chính sách giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt tại TP.HCM.
2. Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách phục vụ công tác bảo vệ môi trường và tài nguyên, đặc biệt áp dụng kỹ thuật sinh thái trong bảo vệ môi trường KCN và khu dân cư.
3. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy phát triển công nghiệp môi trường tại TP.HCM.
4. Nghiên cứu và đề xuất các chính sách xây dựng xã hội ít phát thải carbon (low carbon society).
5. Đề xuất các cơ chế tài chính thích hợp cho các hoạt động tái chế chất thải bền vững tại TP.HCM.
6. Nghiên cứu và đề xuất mô hình quản lý môi trường dựa vào cộng đồng.

##### **(2). Công nghệ môi trường:**

1. Đề xuất công nghệ tiên tiến thích hợp thương hiệu Việt Nam về xử lý nước thải công nghiệp và đề xuất biện pháp triển khai vào thực tế;
2. Nghiên cứu áp dụng các công nghệ mới, công nghệ thích hợp nhằm giảm thiểu ô nhiễm do khí thải, nước thải, chất thải rắn tại TP. HCM.
3. Nghiên cứu các công nghệ tái chế có hiệu suất cao và mức sử dụng năng lượng thấp.
4. Nghiên cứu triển khai các mô hình xử lý nước thải hợp khối nhằm xử lý nước thải phát sinh từ các cơ sở sản xuất quy mô vừa và nhỏ tại TP. HCM.
5. Đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật - môi trường của các trạm xử lý nước thải bệnh viện và đề xuất mô hình xử lý thích hợp áp dụng cho TP. HCM.



**(3). Lĩnh vực Tài nguyên:**

1. Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường đáp ứng với quy hoạch khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên tại TP.HCM (tài nguyên đất, nước mặt, nước ngầm, rừng, biển ...).
2. Đánh giá mức độ tổn thương (vulnerability) của tầng nước ngầm ở các khu công nghiệp từ các số liệu giám sát chất lượng và mực nước ngầm ở TP.HCM. Từ đó đánh giá rủi ro và đề xuất các giải pháp quản lý giảm thiểu tính tổn thương.
3. Xây dựng hệ hỗ trợ quyết định trong quản lý bền vững tài nguyên thiên nhiên tại lưu vực sông Sài Gòn - Đồng Nai.
4. Đánh giá tổng hợp tác động của các hoạt động phát triển KT - XH tại lưu vực hệ thống sông Đồng Nai tới chất lượng nước phục vụ cấp nước cho TP. HCM.

**(4). Lĩnh vực Biến đổi khí hậu:**

1. Nghiên cứu, đánh giá những tác động của biến đổi khí hậu đến vấn đề ngập lụt; hiện trạng và quy hoạch xây dựng các công trình giao thông; quy hoạch sử dụng đất; hiện trạng và quy hoạch các bãi chôn lấp chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại trên địa bàn TP. HCM từ đó xây dựng kế hoạch hành động thích hợp.
2. Quản lý tài nguyên nước TP.HCM/vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trước tác động của biến đổi khí hậu.
3. Nghiên cứu đánh giá những ảnh hưởng của mực nước biển dâng tới các vùng dễ bị tổn thương, trong đó tập trung nghiên cứu các khu dân cư tập trung và xác định số dân, đặc biệt là số dân nghèo tại TP.HCM bị ảnh hưởng tương ứng với các kịch bản biến đổi khí hậu khác nhau.
4. Xây dựng hệ thống lưu trữ cơ sở dữ liệu phục vụ đánh giá tác động, xây dựng và thực hiện các giải pháp giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu.
5. Nghiên cứu triển khai thử nghiệm mô hình đê bao bằng túi cao su mềm dưới tác động của BĐKH. Lập bản đồ phân vùng nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông dưới tác động của BĐKH.

**Chương trình số 6 : Khoa học Xã hội và Nhân văn**

**\* Mục tiêu :**

Quán triệt mục tiêu 5 năm (2011- 2015), đề tài Khoa học xã hội và Nhân văn năm 2012 – 2013 vừa mở đầu thực hiện những vấn đề đã được xác định trong 5 năm, vừa nghiên cứu những vấn đề cấp bách, mới nảy sinh để cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc xác định các chính sách, giải pháp cụ thể để thực hiện nghị quyết Đại hội IX của Đảng bộ Thành phố, Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội của Thành phố đến năm 2020. Cụ thể các đề tài Khoa học xã hội và nhân văn phục vụ cho:

1. Chuyển đổi mô hình tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng phát triển và năng lực cạnh tranh; ưu tiên nghiên cứu các hướng đột phá chiến lược, các chương trình đột phá của Thành phố, giải quyết những bức xúc hiện nay của đời sống kinh tế.
2. Phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Thành phố trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Giải quyết những lĩnh vực xã hội bất cập, bức xúc hiện nay.
3. Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.
4. Phát triển văn hóa đồng bộ với phát triển kinh tế.
5. Xây dựng hệ thống chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu quả hiệu



lực quản lý của chính quyền, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tinh năng động sáng tạo của nhân dân Thành phố.

**\* Nội dung:**

**(1). Những vấn đề chung:**

1. Tổng kết quá trình đổi mới của Thành phố- Những bài học kinh nghiệm.
2. Nghiên cứu đề xuất cơ chế quản lý phát triển kinh tế - xã hội vùng lãnh thổ và địa phương - Trường hợp vùng đô thị TP.HCM.
3. Nghiên cứu các cộng đồng ở TP.HCM: Lịch sử, hiện tại và triển vọng.

**(2). Những vấn đề kinh tế và quản lý:**

1. Nghiên cứu thực trạng và giải pháp hoàn thiện các loại thị trường trên địa bàn Thành phố (tài chính, bất động sản, lao động, ...).
2. Giải pháp cho vấn đề chống lạm phát, ổn định an sinh xã hội, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững.
3. Nghiên cứu đánh giá sự chuyển dịch cơ cấu 4 nhóm ngành công nghiệp chủ lực theo tinh thần nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VIII và IX (cơ khí; điện tử - viễn thông - tin học; công nghiệp hoá chất và dược phẩm; chế biến lương thực - thực phẩm giá trị gia tăng cao) và hướng phát triển tiếp theo.
4. Nghiên cứu đánh giá chuyển dịch cơ cấu 9 nhóm ngành dịch vụ theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ VIII và IX.
5. Nghiên cứu đánh giá tác động, ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế - tài chính – các giải pháp duy trì ổn định phát triển kinh tế Thành phố.
6. Tổng kết mô hình nhượng quyền thương mại (franchise), các ứng dụng hiệu quả cho Thành phố.
7. Phát triển kinh doanh hiệu quả và nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trên địa bàn TP.HCM trong bối cảnh hội nhập quốc tế.
8. Các chương trình trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội của TP.HCM. Thực trạng, xu hướng và các giải pháp thúc đẩy phát triển đến năm 2015.
9. Đánh giá vai trò đầu tàu kinh tế của TP.HCM đối với vùng kinh tế trọng điểm phía nam và các giải pháp thúc đẩy phát triển.
10. Các nguồn lực tài chính cho phát triển cơ sở hạ tầng và đầu tư tại TP. HCM.
11. Các giải pháp thúc đẩy xúc tiến thương mại và kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ của các doanh nghiệp trên địa bàn TP Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.
12. Các giải pháp kinh tế, tài chính hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn TP.HCM.
13. Phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ nhằm thu hút dòng vốn FDI và phát triển các ngành công nghiệp trên địa bàn TP.HCM.
14. Tổng kết mô hình chợ đầu mối nông sản tại TP.HCM, các ứng dụng hiệu quả cho thành phố trong tương lai (2011 – 2015).
15. Nghiên cứu tiếp cận mô hình phát triển đô thị bền vững gắn với kiến nghị cơ cấu đầu tư, cơ cấu kinh tế và tăng trưởng kinh tế bền vững.
16. Nghiên cứu đề xuất cơ chế quản lý phát triển kinh tế - xã hội vùng lãnh thổ và địa phương theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng và địa phương.
17. Nghiên cứu đề xuất cơ chế chính sách động lực nhằm thúc đẩy việc huy động và phát triển các nguồn lực (nhân lực, đất đai, vốn – tài chính, công nghệ) để phát triển thành phố theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội TP.HCM đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025.



**(3). Những vấn đề xã hội:**

1. Đặc điểm xã hội và quản lý xã hội ở TP.HCM qua các thời kỳ lịch sử.
2. Những yếu tố tác động đến phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở TP.HCM thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.
3. Các tổ chức xã hội và sự phát triển xã hội ở TP.HCM.
4. Tác động của quan hệ tộc người, tôn giáo đến phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở TP.HCM thời kỳ CNH-HĐH và hội nhập quốc tế.
5. Điều tra, đánh giá hệ thống bảo trợ xã hội, đề xuất mô hình phúc lợi xã hội dành cho công nhân khu công nghiệp, khu chế xuất TP.HCM.
6. Giải pháp tăng cường ý thức kỷ luật, ý thức công dân cho cư dân Thành phố.

**(4). Những vấn đề về đào tạo nguồn nhân lực:**

1. Nghiên cứu đánh giá nguồn nhân lực của thành phố hiện nay.
2. Nghiên cứu các giải pháp đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực trình độ cao phục vụ cho sự phát triển cao của Thành phố.
3. Nghiên cứu đánh giá đội ngũ cán bộ quản lý các cấp trong chính quyền đô thị, đoàn thể của TP.HCM hiện nay- Giải pháp nâng cao chất lượng.
4. Nghiên cứu cơ chế đào tạo đội ngũ chuyên gia một số lĩnh vực ưu tiên phát triển của Thành phố: quản lý đô thị, sức khỏe cộng đồng, vệ sinh an toàn thực phẩm...
5. Nghiên cứu xây dựng TP.HCM trở thành một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học có chất lượng cao của cả nước và khu vực.

**(5). Những vấn đề văn hóa, con người và truyền thống lịch sử:**

1. Nghiên cứu trình độ phát triển văn hóa kinh doanh tại TP. HCM ở cấp độ xã hội và văn hóa doanh nghiệp ở cấp độ công ty (có chú ý đến vai trò thúc đẩy của Nhà nước, các hiệp hội doanh nhân và truyền thông đại chúng).
2. Khuynh hướng phát triển của các gia đình trẻ.
3. Những hiện tượng mới của hôn nhân xuyên quốc gia.
4. Tình trạng buôn bán phụ nữ và trẻ em; nạn mại dâm; bạo lực gia đình đối với phụ nữ.
5. Khảo sát và đánh giá sự đáp ứng của các tầng lớp cư dân đô thị đối với cuộc vận động xây dựng văn minh đô thị và đề xuất những giải pháp nhằm làm cho những giá trị ứng xử văn hóa nơi công cộng được gìn giữ và phát triển lâu bền trong lối sống thị dân.
6. Khảo sát những khía cạnh thành công thực chất của cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa, khu phố văn hóa tại TP.HCM và những vấn đề còn tồn tại, nhằm đề xuất những cải tiến căn bản cho việc hình thành những giá trị đích thực trong đời sống gia đình và các cụm dân cư đô thị.
7. Nhận biết sự biến đổi nhu cầu và thị hiếu của các tầng lớp thị dân đối với các loại hình văn hóa - nghệ thuật và đề xuất các cung cách để thỏa mãn các nhu cầu ấy.
8. Nghiên cứu tác động của các phương tiện truyền thông đến lối sống của thanh thiếu niên TP.HCM (cụ thể trong bối cảnh "xã hội hóa" các loại hình truyền thông hiện nay).
9. Khảo sát và đánh giá đặc điểm, thế mạnh và những hạn chế còn tồn tại trong hoạt động giao lưu văn hóa của thanh niên thành phố với tuổi trẻ đô thị trên thế giới thông qua du lịch, du học, các cuộc đua tài trong thể thao, khoa học và nghệ thuật – coi đây cũng là một kênh giao lưu và tái tạo văn hóa quan trọng của một đô thị lớn.

**(6). Về hệ thống chính trị:**

1. Nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền các cấp trong



- điều kiện xây dựng chính quyền đô thị.
2. Nghiên cứu mô hình tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của tổ chức Đảng và các đoàn thể chính trị trong khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.
  3. Đánh giá kết quả cuộc đấu tranh phòng chống tham nhũng, thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) trên địa bàn TP.HCM.
  4. Các giải pháp đấu tranh chống các quan điểm sai trái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong quá trình hội nhập.
  5. Khảo sát, đánh giá thí điểm mô hình “chính quyền đô thị” cấp quận, phường theo Nghị quyết Trung ương 5 (Khóa X).
  6. Các giải pháp giáo dục, nâng cao ý thức pháp luật, tinh thần trách nhiệm cho đội ngũ công nhân viên chức.
  7. Nghiên cứu chức năng của nền dịch vụ hành chính bảo đảm sự phát triển đô thị bền vững.
  8. Phân tích chỉ số PCI thành phố Hồ Chí Minh, vai trò Nhà nước trong quản lý kinh tế.

## **Chương trình số 7: Giáo dục – Thể dục Thể thao và phát triển nguồn nhân lực**

### **I. Lĩnh vực Giáo dục đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:**

#### **\* Mục tiêu:**

Nghiên cứu các mô hình giáo dục và đào tạo khu vực, thế giới và thực tiễn đất nước, góp phần phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo thành phố Hồ Chí Minh đạt trình độ tiên tiến ngang tầm với khu vực;

#### **\* Nội dung:**

1. Tổng kết, nghiên cứu tiếp cận các mô hình và nội dung giáo dục phổ thông của khu vực và thế giới. Từ đó nêu ra những điều kiện, giải pháp để thực hiện các trường tại Tp;
2. Hiệu quả của một số trường phổ thông có yếu tố nước ngoài;
3. Nghiên cứu triển khai thử nghiệm các giải pháp kiểm định chất lượng đào tạo bậc THPT;
4. Cơ chế chính sách về dạy nghề tại các doanh nghiệp và liên kết dạy nghề giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp;
5. Mô hình kiên kết đào tạo theo hướng chuẩn hóa trình độ kỹ năng nghề khu vực ASEAN.

### **II. Lĩnh vực Thể dục thể thao:**

#### **\* Mục tiêu:**

1. Tập trung đầu tư các đề tài nghiên cứu giải quyết các vấn đề ưu tiên của ngành Giáo dục và ngành Thể dục thể thao; đồng thời chú ý đến các đề tài mang tính liên kết giữa 2 ngành;
2. Tập trung các đề tài giải quyết vấn đề phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho 2 ngành Giáo dục và Thể dục thể thao (cán bộ quản lý, cán bộ khoa học, giáo viên, HLV, chuyên gia cao cấp từng lĩnh vực, vận động viên, trọng tài, ...)

#### **\* Nội dung:**

1. Các chương trình giáo dục hướng đến Olympic 2012 tại Luân Đôn;
2. Các vấn đề về tổ chức quản lý ngành TDTT trong tình hình mới;
3. Mô hình thể thao chuyên nghiệp tại TP.HCM;
4. Mô hình thể thao giải trí tại TP.HCM;



5. Mô hình Trung tâm đào tạo và thi đấu thể thao tại TP.HCM;
6. Tiêu chuẩn một số VĐV cấp cao của Thành phố (Nguyễn Tiến Minh, Lê Quang Liêm, Nguyễn Thị Kim Tuyền, Thạch Kim Tuấn ...)
7. Tiêu chuẩn tuyển chọn VĐV của 12 môn tập huấn dài hạn trong chương trình nguồn nhân lực của ngành TDTT thành phố;
8. Thực trạng và giải pháp vực dậy một số môn thể thao truyền thống của TP.HCM (bóng chuyền, điền kinh, bóng bàn, xe đạp, cầu lông...)

### **Chương trình số 8: Công nghệ Công nghiệp và Tự động hóa**

#### **\* Mục tiêu:**

1. Đẩy mạnh tiến trình đổi mới công nghệ và nâng cao hiệu suất các trang thiết bị phương tiện kỹ thuật nhằm mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng yêu cầu tự động hóa và hiện đại hóa các ngành sản xuất ở Tp.HCM. Trong đó tập trung cho các ngành mũi nhọn (Cơ khí chế tạo máy; Điện tử - viễn thông - công nghệ thông tin; Hóa chất – Cao su - Nhựa; Chế biến tinh lương thực thực phẩm), các ngành còn lạc hậu, các ngành kỹ thuật cao có tiềm năng gia tăng giá trị hàng hóa, sản phẩm; phát triển đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu; nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm.
2. Phát huy vai trò của công nghệ tự động hóa trong việc giải quyết các vấn đề cấp bách của thành phố như giao thông, ngập nước, quản lý đô thị, môi trường độc hại v.v...
3. Khai thác tiềm lực khoa học - công nghệ của toàn xã hội tạo mối liên kết chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước - các doanh nghiệp, thị trường – cơ quan nghiên cứu, đào tạo, để đẩy nhanh tốc độ phát triển tự động hóa trên các lĩnh vực; chú trọng hỗ trợ công nghiệp, nông nghiệp, quản lý sản xuất, dịch vụ... nhằm tạo ra một cơ cấu phát triển có tính thực tiễn, hiệu quả và bền vững.

#### **\* Nội dung:**

**(1). Các giải pháp tự động hoá chuyên sâu cho lĩnh vực sản xuất công nghiệp theo 4 lĩnh vực ưu tiên:** Cơ khí chế tạo máy, Điện tử - Viễn thông - Công nghệ thông tin, Hoá chất, Chế biến tinh lương thực thực phẩm:

1. Nghiên cứu thiết kế, chế tạo xe máy, ô tô tải Hybrid.
2. Nghiên cứu thiết kế, chế tạo xe máy, ô tô, xe bus chạy điện và các phụ tùng như pin charge
3. Nghiên cứu chế tạo kho hàng tự động.
4. Nghiên cứu thiết kế, chế tạo dây chuyền hoặc một số công đoạn sản xuất công nghiệp dây cáp điện, hàn, giấy, dệt-may, đóng gói (bao gói đèn LED,...).
5. Nghiên cứu thiết kế chế tạo thiết bị phục vụ ngành nhựa, cao su.
6. Nghiên cứu thiết kế chế tạo thiết bị phục vụ ngành hoá chất.
7. Nghiên cứu thiết kế chế tạo thiết bị phục vụ ngành hoá dược, sản xuất thuốc.
8. Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo thiết bị cho ngành y tế (hỗ trợ phẫu thuật, vật lý trị liệu,...)
9. Nghiên cứu thiết kế và chế tạo robot công nghiệp phục vụ gia công sản phẩm phức tạp hoặc có độ chính xác cao (robot song song,...).
10. Nghiên cứu thiết kế và chế tạo robot công nghiệp phục vụ cho một số ngành (xây dựng, đóng tàu, kết cấu thép cỡ lớn, bồn bể chịu áp lực...).
11. Nghiên cứu và xây dựng các hệ thống giám sát và điều khiển có độ tích hợp và



mức tự động hoá nâng cao cho các doanh nghiệp sản xuất.

12. Nghiên cứu thiết kế và chế tạo các thiết bị đo kiểm chất lượng sản phẩm.
13. Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo các thiết bị điện tử, cụm thiết bị tự động,... phục vụ cho sản xuất và đời sống.
14. Nghiên cứu, thiết kế và tích hợp hệ thống giám sát, điều khiển các quá trình công nghệ hoá học phục vụ sản xuất hoá chất, dầu khí, chế biến thực phẩm, dược phẩm,.....
15. Nghiên cứu công nghệ và chế tạo thiết bị tự động hoặc bán tự động để chế biến tinh lương thực: các dây chuyền hoặc công đoạn xử lý chế biến lương thực (xay xát, tinh lọc, phân loại sản phẩm, ...)
16. Nghiên cứu công nghệ và chế tạo thiết bị tự động hoặc bán tự động để chế biến tinh thực phẩm: các dây chuyền hoặc công đoạn xử lý chế biến thực phẩm (tinh luyện, chế biến, phân loại sản phẩm,....)
17. Nghiên cứu công nghệ và chế tạo thiết bị sản xuất muối tinh.
18. Nghiên cứu công nghệ và chế tạo thiết bị sản xuất, chế biến tinh mật ong, sữa ong chúa.
19. Chế tạo thiết bị phân loại, kiểm tra sản phẩm ứng dụng công nghệ xử lý ảnh.
20. Hoàn thiện thiết kế chế tạo các hệ thống xử lý rác và nước thải.
21. Nghiên cứu công nghệ hệ thống vi cơ điện tử (MEMS), hệ thống nano cơ điện tử (NEMS), cảm biến theo nguyên lý mới và thiết bị sử dụng hệ thống vi cơ điện tử, hệ thống nano cơ điện tử

## **(2). Các giải pháp tự động hoá cho lĩnh vực sản xuất nông nghiệp**

1. Nghiên cứu công nghệ và thiết kế, chế tạo các thiết bị cơ khí hoá - tự động hoá thích hợp cho quá trình hoặc một số công đoạn canh tác và thu hoạch trong sản xuất nông nghiệp ở khu vực phía nam.
2. Nghiên cứu chế tạo thiết bị và kỹ thuật san phẳng được điều khiển tự động bằng công nghệ Laser, ứng dụng trong xây dựng, san phẳng đồng ruộng, ...
3. Nghiên cứu hoàn thiện chế tạo các hệ thống sản xuất chế phẩm sinh học.
4. Nghiên cứu thực trạng và giải pháp sử dụng hiệu quả máy nông nghiệp ở khu vực phía nam và đề xuất các nghiên cứu cấp thiết cho lĩnh vực này.
5. Nghiên cứu hoàn thiện thiết kế chế tạo các hệ thống sấy và bảo quản nông sản thực phẩm theo hướng năng suất cao, tự động hóa, và đảm bảo các tiêu chuẩn môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm.
6. Nghiên cứu hoàn thiện thiết kế chế tạo thiết bị phục vụ chế biến cacao.
7. Nghiên cứu thiết kế, chế tạo dây chuyền sản xuất thức ăn nổi cho thủy sản.
8. Triển khai các dự án nhà nhà trồng cây được điều khiển tự động các chế độ tiêu khí hậu, CO<sub>2</sub>, tưới,... phục vụ sản xuất các loại cây hoặc nấm có giá trị kinh tế cao.

## **(3). Các giải pháp, phương tiện thiết bị năng lượng**

1. Nghiên cứu công nghệ và thiết bị đầu nguồn giúp điều hoà và tiết kiệm năng lượng điện trong các nhà máy, xưởng sản xuất.
2. Nghiên cứu ứng dụng các thiết bị công nghệ mới có tính năng tiết kiệm năng lượng.
3. Nghiên cứu xây dựng các hệ thống khai thác nguồn năng lượng tái tạo (gió, bức xạ mặt trời,...) như mái nhà điện mặt trời, inverter thông minh, bộ hoà lưới điện quốc gia...
4. Nghiên cứu giải pháp công nghệ và chế tạo thiết bị chuyển đổi năng lượng tái tạo.



5. Nghiên cứu công nghệ và thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời và gió.
  6. Nghiên cứu công nghệ và thiết bị năng lượng tái tạo như Biogas, Biomass,...
- (4). Các giải pháp, phương tiện, thiết bị phục vụ quản lý đô thị của thành phố**  
(Giao thông, ngập nước, chiếu sáng, chống ô nhiễm môi trường,...)
1. Nghiên cứu xây dựng hệ giám sát và điều khiển giao thông cho các điểm nút quan trọng của thành phố.
  2. Nghiên cứu tích hợp hệ thống điều khiển giao thông, xây dựng trung tâm điều khiển giao thông thành phố.
  3. Nghiên cứu hệ cảnh báo và barie tự động cho các tuyến ngang đường sắt đi qua thành phố.
  4. Nghiên cứu xây dựng hệ thống SCADA cho quang trắc thủy văn; kiểm soát các thông số nước thải ra môi trường; kiểm soát mực nước ở các đập cống, trạm bơm, giám sát ngập úng; chẩn đoán phục vụ duy tu, giám sát các hệ thống phục vụ giao thông (bảo trì cho đường sá, cầu cống).
  5. Nghiên cứu xây dựng hệ thống giám sát và điều khiển đèn chiếu sáng công cộng dựa trên công nghệ GIS.
  6. Nghiên cứu xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát môi trường và điều khiển xử lý chất thải công nghiệp cho nhà máy và các Khu công nghiệp.
  7. Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và ứng dụng hệ thống theo dõi xác định các hệ vật di thường trong lòng đất phục vụ cho việc quy hoạch thành phố và các công trình ngầm.
- (5). Các trang thiết bị phục vụ đào tạo nguồn nhân lực về tự động hoá**
1. Nghiên cứu thiết kế và chế tạo hệ thống đào tạo về tự động hoá quá trình sản xuất có tính liên hợp gắn trong mạng truyền thông công nghiệp.
  2. Nghiên cứu thiết kế và chế tạo hệ thống robot cho đào tạo.
  3. Nghiên cứu thiết kế và chế tạo các thiết bị đào tạo trong các lĩnh vực tiên tiến, công nghệ cao.
- (6). Đánh giá thực trạng, giải pháp quản lý công nghệ công nghiệp**
1. Khảo sát, đánh giá thực trạng, nhu cầu và giải pháp đổi mới công nghệ cho các ngành công nghiệp.
  2. Nghiên cứu, xây dựng mô hình ươm tạo, chuyển giao công nghệ.
  3. Điều tra, khảo sát thông tin phục vụ cho việc xây dựng cơ sở dữ liệu công nghệ công nghiệp và tự động hoá.
  4. Nghiên cứu giải pháp quản lý công nghiệp, năng suất, chất lượng.

## **Chương trình số 9: Nông nghiệp và Công nghệ Thực phẩm**

### **\* Mục tiêu :**

1. Nghiên cứu các giải pháp ứng dụng công nghệ cao và xây dựng qui trình công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao sức cạnh tranh trong sản xuất nông sản, phát triển giống cây giống con, nhằm phục vụ chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và chương trình hành động về nông nghiệp, nông thôn, nông dân;
2. Nghiên cứu và ứng dụng các qui trình công nghệ trong chế biến và bảo quản các nông sản chủ lực của thành phố theo hướng hiện đại, an toàn;
3. Tập trung xây dựng các chủng loại thương hiệu giống & nông sản mạnh, có quy mô lớn, thương hiệu nông nghiệp Thành Phố, nhằm nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh, thân thiện với môi trường gắn với phát triển bền vững.



**\*Nội dung:**

**(1). Trồng trọt**

1. Nghiên cứu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh của các sản phẩm chủ lực của thành phố (rau, hoa, cây kiểng).
2. Nghiên cứu phát triển các mô hình & các khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng và phát triển mô hình nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn TP HCM.
3. Phổ biến các qui trình kỹ thuật & biện pháp sản xuất nông sản an toàn, có hiệu quả kinh tế, theo các tiêu chuẩn trong và ngoài nước được chứng nhận.
4. Ứng dụng các giải pháp Công nghệ Sinh học trong sản xuất về giống, qui trình canh tác, và bảo vệ thực vật (sử dụng thiên địch, nấm ký sinh, nấm đối kháng, các nhân tố kích kháng, chế phẩm sinh học, ...).
5. Nghiên cứu trồng trọt cung cấp nguyên liệu có nguồn gốc thảo dược.

**(2). Chăn nuôi**

1. Nghiên cứu mô hình liên kết sản xuất và xây dựng thương hiệu một số sản phẩm chủ lực của ngành chăn nuôi thành phố.
2. Ứng dụng kỹ thuật nuôi dưỡng trong phát triển chăn nuôi công nghiệp, như chọn lọc giống; sản xuất thức ăn TMR cân đối dinh dưỡng cho bò sữa, các loại thức ăn công nghiệp cho heo, gà, chim cá kiểng. Ứng dụng các chế phẩm sinh học trong phòng trị một số bệnh gia súc và xử lý môi trường đang diễn ra trong thực tế.
3. Nghiên cứu thêm các quy trình phân tích trong phòng thí nghiệm và các bộ Kit phát hiện nhanh các bệnh gia súc, gia cầm tiềm ẩn và các chất độc hại trong thức ăn chăn nuôi và sản phẩm chăn nuôi.
4. Nghiên cứu xây dựng vùng chăn nuôi theo GAHP.
5. Nghiên cứu sản xuất và sử dụng các chế phẩm có nguồn gốc thảo dược trong chăn nuôi.
6. Nghiên cứu các giải pháp kinh tế kỹ thuật để nâng cao hiệu quả chăn nuôi heo, bò sữa.

**(3). Thủy hải sản**

1. Khảo sát tuyển chọn, lai tạo và phát triển một số giống cá tự nhiên thành cá kiểng có giá trị kinh tế và ưu thế cạnh tranh cao.
2. Nghiên cứu kỹ thuật đẻ nhân tạo và lai tạo các giống cá kiểng mới, cung cấp giống phục vụ cho nhu cầu trong nước và tiến đến xuất khẩu.
3. Xây dựng quy trình an toàn dịch bệnh cho các cơ sở sản xuất cá cảnh xuất khẩu vào thị trường EU.
4. Thử nghiệm nuôi nghêu sinh sản, thử nghiệm nuôi trồng tảo làm thức ăn cho thủy sản.
5. Nghiên cứu phòng trị bằng biện pháp sinh học các loại bệnh phổ biến trong sản xuất.

**(4). Lâm nghiệp và cảnh quan đô thị**

1. Nghiên cứu ứng dụng các biện pháp nâng cao chất lượng rừng ngập mặn Cần Giờ.
2. Nghiên cứu dẫn nhập các loại cây phù hợp kiến trúc và cảnh quan nhằm tăng mỹ quan và diện tích xanh trong đô thị (nhà ở, chung cư, cơ quan, bệnh viện ...).
3. Nghiên cứu xây dựng các làng sinh thái, các gia trại, trang trại Nông-Lâm-Ngư kết hợp phục vụ du lịch phù hợp cho từng vùng sinh thái thành phố.
4. Điều tra, nghiên cứu, qui hoạch và ứng dụng giá trị rừng.

**(5). Phát triển nông thôn**

1. Xây dựng các mô hình và các khu sản xuất nông nghiệp với quy mô lớn, tập trung



theo hướng hợp tác xã (trồng rau, trồng hoa lan cây cảnh), các mô hình liên kết sản xuất công nghệ cao thuận lợi cho áp dụng các tiến bộ kỹ thuật, nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh hướng tới xây dựng thương hiệu.

2. Nghiên cứu xây dựng mô hình tổ chức sản xuất và phân phối nông sản an toàn, đảm bảo vệ sinh an toàn và đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao.
3. Nghiên cứu mô hình chăn nuôi công nghiệp hộ gia đình có hiệu quả.
4. Nghiên cứu xây dựng chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển Nông nghiệp, Nông thôn.

#### **(6). Chế biến lương thực thực phẩm**

1. Xây dựng chương trình quản lý chất lượng toàn diện cho doanh nghiệp chế biến thực phẩm vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố.
2. Ứng dụng các kỹ thuật mới trong chế biến thực phẩm nhằm tiết kiệm năng lượng và hạn chế tổn thất trong quy trình sản xuất.
3. Nghiên cứu qui trình công nghệ sau thu hoạch và biện pháp sơ chế bảo quản rau, quả, sản phẩm động vật, thủy hải sản tươi sống đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.
4. Nghiên cứu nguyên liệu, chế phẩm có nguồn gốc thảo dược ứng dụng trong Công nghệ Thực phẩm.
5. Nghiên cứu chế biến thực phẩm có chứa các chất có hoạt tính sinh học từ nguồn nguyên liệu trong nước phù hợp với từng đối tượng và lứa tuổi người tiêu dùng.

### **Chương trình số 10: Y tế**

#### **\*Mục tiêu:**

Làm chủ và phát triển y tế kỹ thuật cao kết hợp sử dụng vốn quý của nền y học cổ truyền Việt Nam, tạo ra tiềm lực KH&CN trong lĩnh vực y tế tiếp cận trình độ khu vực và quốc tế.

Đẩy mạnh các nghiên cứu y học cộng đồng nhằm nâng cao sức khỏe người dân thành phố.

#### **\* Nội dung:**

##### **(1). Y học lâm sàng và cận lâm sàng**

Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật mới trong chẩn đoán (chẩn đoán hình ảnh kỹ thuật cao, sinh học phân tử) và trong điều trị (vi phẫu thuật, phẫu thuật bằng robot, ứng dụng laser, tế bào gốc);

Nghiên cứu kết hợp Đông Tây y trong phục hồi chức năng và bệnh mãn tính;

##### **(2). Y học cộng đồng**

1. Xác định “Chỉ số sức khỏe và bệnh tật” của người dân thành phố;
2. Nghiên cứu các chiến lược và giải pháp thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu ở một thành phố lớn trong quá trình CNH-HĐH;
3. Nghiên cứu tình hình và dự báo tiến triển các bệnh mãn tính không lây (tim mạch, đái tháo đường...) và đề xuất các biện pháp can thiệp nhằm giảm thiểu sự gia tăng bệnh;
4. Nghiên cứu các giải pháp phòng ngừa các dịch bệnh truyền nhiễm vùng nhiệt đới;
5. Nghiên cứu nâng cao tuổi thọ và chất lượng cuộc sống ở người già;
6. Nghiên cứu và triển khai các biện pháp nâng cao công tác an toàn vệ sinh thực phẩm.;
7. Nghiên cứu các giải pháp y – xã hội học góp phần phòng ngừa các dịch bệnh truyền nhiễm vùng nhiệt đới;
8. Chú trọng các nghiên cứu cải thiện công tác an toàn - vệ sinh lao động trong các



cơ sở sản xuất tại TP.HCM.

### **(3). Quản lý y tế**

1. Nghiên cứu biện pháp quản lý ngành phù hợp chủ trương xã hội hóa hoạt động chăm sóc sức khỏe (chính sách, kế hoạch, lộ trình... );
2. Nghiên cứu chiến lược đào tạo ban đầu và đào tạo liên tục cán bộ y tế để có khả năng tiếp cận và tiếp nhận các tiến bộ khoa học kỹ thuật của thế giới;
3. Nghiên cứu chiến lược trang thiết bị ngành y tế TP.HCM thực hiện theo chủ trương: kỹ thuật cao, kinh phí thấp;
4. Mô hình quản lý, sử dụng dược phẩm trong các bệnh viện, trung tâm y tế.

### **Chương trình số 11: Vườn ươm sáng tạo KH&CN trẻ**

#### **\* Mục tiêu:**

1. Khuyến khích và tạo điều kiện cho lực lượng trí thức- khoa học trẻ tham gia nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển kinh tế – xã hội thành phố.
2. Phát huy hiệu quả tiềm lực khoa học, kỹ thuật và công nghệ trên địa bàn thành phố, đặc biệt đối với các đối tượng là sinh viên, thanh niên công nhân, các giảng viên và nghiên cứu viên trẻ của các trường viện...
3. Góp phần thúc đẩy lòng đam mê sáng tạo và nghiên cứu khoa học của lực lượng khoa học trẻ thành phố.
4. Hướng tới xã hội hóa vốn đầu tư, thu hút có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư cho phát triển khoa học công nghệ thành phố.

#### **\*Nội dung:**

**(1). Đẩy mạnh nghiên cứu triển khai ứng dụng và chú trọng nghiên cứu cơ bản gắn liền với mục tiêu và nội dung của các chương trình nghiên cứu khoa học và công nghệ bao gồm các lĩnh vực:**

1. Công nghệ thông tin: đẩy mạnh nghiên cứu việc ứng dụng CNTT vào các ngành kinh tế – xã hội và góp phần hỗ trợ các ngành phát triển.
2. Công nghệ sinh học: đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong phát triển giống cây, giống con chất lượng cao, trong các lĩnh vực y dược, chế biến thực phẩm và bảo vệ môi trường.
3. Vật liệu mới: ưu tiên các đề tài nghiên cứu vật liệu thay thế ngoại nhập, vật liệu mới công nghệ cao, công nghệ Nano, vật liệu Composite.
4. Cơ khí – Tự động hóa: phục vụ hiện đại hóa công nghiệp, nghiên cứu chế tạo các robot phục vụ sản xuất, sinh hoạt và giải trí.
5. Năng lượng: Nghiên cứu chế tạo các loại năng lượng sinh học thay thế, các công nghệ kỹ thuật sử dụng năng lượng sạch và tiết kiệm.
6. Y tế: Nghiên cứu chế tạo các sản phẩm hỗ trợ sức khỏe cộng đồng, cải tiến các thiết bị chăm sóc sức khỏe và các phương thức điều trị mới hiệu quả, an toàn, tiết kiệm.
7. Chương trình giảm ô nhiễm môi trường tập trung kiểm soát, ngăn chặn và đẩy lùi ô nhiễm không khí, tiếng ồn, nước mặt, nước ngầm, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; khắc phục những nơi bị ô nhiễm nghiêm trọng; tăng cường cây xanh, vườn hoa, thảm cỏ, tiểu đảo, công viên...Nghiên cứu về biến đổi khí hậu, các tác động và cách ứng phó. Các giải pháp nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, người dân



**(2). Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn thuộc các lĩnh vực:**

1. Khoa học xã hội và nhân văn: nghiên cứu hoàn thiện mối quan hệ giữa thành phố với khu vực và thế giới trong xu hướng hội nhập và toàn cầu hóa. Tiếp tục nghiên cứu làm rõ lịch sử phát triển, đặc điểm con người và văn hóa thành phố. Nghiên cứu chính sách và cơ chế trong quản lý và giải pháp nhằm nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp của thành phố thành phố, chuẩn bị điều kiện cho hội nhập với khu vực và thế giới
2. Quản lý đô thị: nghiên cứu đề xuất hướng giải quyết những vấn đề mới trong công tác quản lý đô thị và giao thông công cộng... nhằm tăng cường tính hiệu lực của quản lý nhà nước. Chương trình giảm ùn tắc giao thông: phát triển nhanh vận tải hành khách công cộng, ưu tiên giao thông công cộng sức chở lớn; nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.
3. Giáo dục đào tạo: nghiên cứu giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục kỹ thuật nghiệp vụ và các trường THCN, Cao đẳng, Đại học trên địa bàn thành phố. Định hướng chọn ngành nghề và định hướng giá trị nghề nghiệp trong xã hội cho SV-HS. Giải pháp thu hút, khuyến khích thanh niên học nghề.
4. Thể dục thể thao: nghiên cứu về thể dục thể thao cho mọi người, thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp; nghiên cứu đánh giá thực trạng các hoạt động quản lý TDTT qua đó xây dựng các giải pháp đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động TDTT trên địa bàn thành phố.

**Chương trình số 12: Khoa học và Công nghệ Năng lượng**

**\* Mục tiêu:**

1. Đề xuất và hỗ trợ triển khai thành công các cơ chế, chính sách thúc đẩy hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; các cơ chế đẩy mạnh sử dụng các dạng năng lượng tái tạo trên địa bàn thành phố;
2. Nghiên cứu và hỗ trợ chuyển giao áp dụng các giải pháp kỹ thuật và công nghệ có hiệu quả năng lượng;
3. Làm chủ và hướng tới thương mại hóa các công nghệ chế tạo thiết bị chuyển hóa năng lượng tái tạo và các thiết bị, công nghệ chế biến nhiên liệu sinh học quy mô công nghiệp;

**\*Nội dung:**

**(1). Đề xuất các cơ chế, chính sách**

1. Các cơ chế, chính sách thúc đẩy hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;
2. Các cơ chế, chính sách trợ giá để phát triển năng lượng tái tạo, các loại nhiên liệu sạch tại Tp.HCM;
3. Các chính sách thu hút đầu tư sản xuất các thiết bị có hiệu suất năng lượng cao, thiết bị năng lượng tái tạo có khả năng thay thế nhập khẩu;
4. Cơ chế hợp tác quốc tế trong việc chuyển giao và làm chủ các công nghệ năng lượng tiên tiến;

**(2). Lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả**

1. Các giải pháp thiết kế các công trình xây dựng tận dụng tối đa điều kiện tự nhiên nhằm giảm thiểu sử dụng các nguồn năng lượng hóa thạch;
2. Xây dựng các định mức sử dụng năng lượng cho các ngành công nghiệp, xây dựng



- và giao thông;
3. Các giải pháp quản lý, kỹ thuật và công nghệ nhằm tiết kiệm điện trong phát điện, truyền tải, phân phối và sử dụng điện trên địa bàn thành phố;
  4. Các giải pháp quản lý, kỹ thuật, công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả năng lượng cho các ngành công nghiệp tiêu thụ năng lượng trọng điểm;
  5. Các công nghệ tích trữ năng lượng.

**(3). Phát triển nhiên liệu sinh học**

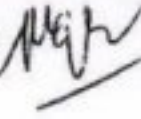

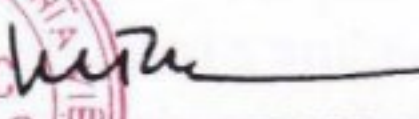
1. Các công nghệ sản xuất các loại dầu sinh học gốc (biodiesel B100) có nguồn gốc từ động, thực vật;
2. Các công nghệ sản xuất cồn nhiên liệu (bio-ethanol, butanol) có nguồn gốc từ cellulose (nhiên liệu sinh học thế hệ 2);
3. Các công nghệ sản xuất nhiên liệu sinh học từ các loại tảo và vi tảo (nhiên liệu sinh học thế hệ 3);

**(4). Lĩnh vực năng lượng tái tạo và năng lượng sạch**

1. Các công nghệ chế tạo các chùng loại pin mặt trời (solar cell) hiệu suất cao, pin mặt trời giá rẻ;
2. Các công nghệ chế tạo các loại động cơ gió công suất nhỏ;
3. Các công nghệ điện mặt trời, điện gió nổi lưới ở nhiều quy mô khác nhau;
4. Các công nghệ chế tạo các loại pin nhiên liệu (fuel cell) phục vụ mục đích sinh hoạt, giao thông và công nghiệp;
5. Các công nghệ hóa khí than, biomass và các loại nhiên liệu rắn khác.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TTTU; TTUBND;
- Ban GD Sở; các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT; QLKH; Ho.360

GIÁM ĐỐC   
  
  
Phan Minh Tân



## **B - CÁC QUY ĐỊNH ĐIỀU KIỆN THAM GIA SƠ TUYỂN ĐỀ TÀI**

### **I. Những quy định chung:**

#### **Điều 1.**

1. Việc sơ tuyển đề tài, dự án KH&CN là quá trình xem xét đánh giá các hồ sơ tham gia sơ tuyển để lựa chọn tổ chức và cá nhân có số điểm đạt yêu cầu chuẩn bị đưa vào kế hoạch KH&CN hàng năm của thành phố.
2. Đề tài KH-CN phải đảm bảo có giá trị khoa học và công nghệ, có tính mới, tính sáng tạo, tính tiên tiến về công nghệ, tính cấp thiết, tính thực tiễn, tính khả thi và tính liên ngành.
3. Dự án KH&CN chủ yếu tập trung triển khai kết quả nghiên cứu của các chương trình khoa học và công nghệ ưu tiên, phục vụ phát triển các ngành kinh tế quan trọng, tạo ra quy trình công nghệ và sản phẩm mới có chất lượng và tính cạnh tranh cao, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.
4. Đề tài cùng nội dung nghiên cứu (đã, đang hoặc chờ nhận kinh phí nghiên cứu thuộc ngân sách Nhà nước hoặc các nguồn vốn khác) không được đăng ký sơ tuyển.
5. Các đề tài đăng ký thuộc chương trình Vườn ươm Sáng tạo KH&CN trẻ có quy định bổ sung như sau:
  - Cơ quan chủ trì: Trung tâm Phát triển KH&CN trẻ.
  - Độ tuổi của chủ nhiệm đề tài dưới 35 tuổi.
  - Không chủ trì quá 02 đề tài đã được xét duyệt, nghiệm thu trong chương trình.
  - Kinh phí thực hiện  $\leq 80$  triệu.

#### **Điều 2.**

1. Các đề tài, dự án KH&CN được ưu tiên:
  - Giải quyết các vấn đề đặt hàng, các dự án lớn của thành phố.
  - Các dự án sản xuất thử nghiệm trên cơ sở các đề tài đã được nghiệm thu.
  - Các đề tài có nhiều địa chỉ ứng dụng và có các nguồn kinh phí khác ngoài kinh phí từ ngân sách.
2. Các đề tài nghiên cứu khoa học, các dự án sản xuất thử nghiệm từ năm 2012 được chia thành 3 nhóm:
  - Các đề tài nghiên cứu cơ bản, khoa học xã hội và nhân văn được ngân sách đầu tư 100% kinh phí nghiên cứu.
  - Các đề tài nghiên cứu triển khai sẽ theo cơ chế đồng đầu tư, tỷ lệ đầu tư từ ngân sách và cơ quan ứng dụng được hai bên thỏa thuận.
  - Các dự án nghiên cứu lớn, tạo sản phẩm thuộc lĩnh vực công nghệ cao, tạo sản phẩm mới. Ngân sách đầu tư kinh phí lớn, thu hồi từ chuyển giao công nghệ.

#### **Điều 3.**

1. Các tổ chức, cơ quan (dưới đây gọi là tổ chức) có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực khoa học và công nghệ của đề tài, dự án đều có quyền tham gia đăng ký chủ trì đề tài, dự án.
2. Mỗi tổ chức được đồng thời chủ trì nhiều đề tài, dự án phù hợp với lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức và phải đảm bảo có đủ số lượng cán bộ khoa học, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện các nhiệm vụ KH&CN. Mỗi đề tài, dự án chỉ có một cơ quan chủ trì thực hiện.
3. Cá nhân đăng ký tham gia thực hiện đề tài, dự án (làm chủ nhiệm) phải có chuyên môn cùng lĩnh vực khoa học và công nghệ mà mình đăng ký (được đào tạo hoặc làm việc ít nhất 3 năm trong lĩnh vực đó) hoặc liên quan đến lĩnh vực



khoa học và công nghệ đó (kèm theo điều kiện đội ngũ cộng tác viên tham gia đề tài phải có chuyên môn phù hợp cùng lĩnh vực)

4. Mỗi cá nhân không đồng thời làm chủ nhiệm hoặc đồng chủ nhiệm quá 2 đề tài, hoặc 1 dự án cấp thành phố (cho đến khi nghiệm thu). Mỗi đề tài, dự án có tối đa 2 đồng chủ nhiệm.
5. Cá nhân đăng ký thực hiện đề tài, dự án bị trễ hạn quá 18 tháng chưa nghiệm thu, chưa quyết toán (không chứng minh được lý do chính đáng) sẽ không được đăng ký thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ trong 2 năm tiếp theo tính từ thời điểm nghiệm thu hoặc thanh lý và quyết toán kinh phí, hoặc bị xuất toán thu hồi lại kinh phí đã cấp.
6. Các tổ chức có 3 đề tài, dự án trễ hạn hoặc không quyết toán kinh phí trên 18 tháng trở lên thì không được đăng ký chủ trì đề tài, dự án trong 2 năm tiếp theo tính từ thời điểm nghiệm thu hoặc thanh lý và quyết toán kinh phí, hoặc bị xuất toán thu hồi lại kinh phí đã cấp.



**PHIẾU ĐĂNG KÝ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
(tham gia sơ tuyển năm 2012)

1. Tên đề tài, dự án: *(cần rõ ràng và ngắn gọn)*
2. Tên và địa chỉ liên lạc của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm: *(gồm học vị, chức danh khoa học và chức vụ nếu có, địa chỉ, điện thoại, E-mail để thuận tiện khi liên lạc)*
3. Thuộc chương trình: *(ghi rõ tên chương trình)*
4. Cơ quan chủ trì: *(tên cơ quan, địa chỉ, điện thoại)*
5. Cơ quan và cán bộ phối hợp chính:
  - 5.1. Cơ quan phối hợp chính *(nêu rõ phối hợp giải quyết vấn đề cụ thể)*
  - 5.2. Cán bộ phối hợp chính

TT	Họ và tên (Học vị và chức danh KH)	Chuyên ngành	Cơ quan công tác	Chữ ký xác nhận tham gia đề tài
1				
2				
3				
4	.....			

6. Tên các đơn vị đặt hàng hoặc ứng dụng kết quả nghiên cứu: *(kèm văn bản xác nhận)*
7. Tính cấp thiết của đề tài, dự án: *(nêu rõ lý do thực hiện đề tài, dự án; ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài, dự án)*
8. Mục tiêu của đề tài, dự án:
9. Nội dung của đề tài, dự án:
10. Phương pháp tiến hành:
11. Sản phẩm của đề tài, dự án:
12. Phương thức phổ biến hoặc chuyển giao kết quả nghiên cứu - triển khai:
13. Thời gian thực hiện: *(tối đa không quá 24 tháng, riêng các đề tài nghiên cứu giống cây, giống con và nghiên cứu liên quan đến cơ thể con người có thể lâu hơn nhưng không quá 36 tháng)*
14. Kinh phí dự kiến: *(tổng kinh phí, trong đó cụ thể nguồn ngân sách thành phố, nguồn khác nếu có)*

**Cơ quan chủ trì**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm đề tài**  
(Ký và ghi rõ họ tên, học vị)

*Mẫu phiếu đăng ký (trình bày không quá 15 trang đánh vi tính, khổ giấy A4)*



## LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN

<b>1. Họ và tên:</b>			
<b>2. Năm sinh:</b>		<b>3. Nam/Nữ:</b>	
<b>4. Chức danh khoa học:</b>		<b>Năm được phong chức danh</b>	
<b>KH:</b>			
<b>Học vị:</b>		<b>Năm đạt học vị:</b>	
<b>5. Chức danh nghiên cứu:</b>		<b>Chức vụ (Nếu có)</b>	
<b>6. Địa chỉ nhà riêng:</b>			
<b>7. Điện thoại: Cơ quan:</b>		<b>; Nhà riêng: ; Di động:</b>	
<b>8. Fax:</b>		<b>E-mail:</b>	
<b>9. Cơ quan - nơi làm việc của cá nhân đăng ký chủ nhiệm đề tài, Dự án:</b>			
Tên người Lãnh đạo Cơ quan:			
Điện thoại người Lãnh đạo Cơ quan:			
Địa chỉ Cơ quan:			
<b>10. Quá trình đào tạo</b>			
<b>Bậc đào tạo</b>	<b>Nơi đào tạo</b>	<b>Chuyên môn</b>	<b>Năm tốt nghiệp</b>
Đại học			
Thạc sỹ			
Tiến sỹ			
Thực tập sinh khoa học			



<b>11. Quá trình công tác</b>			
<b>Thời gian</b> (Từ năm ... đến năm...)	<b>Vị trí công tác</b>	<b>Cơ quan công tác</b>	<b>Địa chỉ Cơ quan</b>

<b>12. Các công trình công bố chủ yếu</b> (liệt kê tối đa 05 công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn trong 5 năm gần nhất)				
<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b> (bài báo, công trình...)	<b>Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình</b>	<b>Nơi công bố</b> (tên tạp chí đã đăng công trình)	<b>Năm công bố</b>
1				
2				

<b>13. Số lượng văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ đã được cấp</b> (liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)		
<b>TT</b>	<b>Tên và nội dung văn bằng</b>	<b>Năm cấp văn bằng</b>
1		
2		

<b>14. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn</b> (liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)			
<b>TT</b>	<b>Tên công trình</b>	<b>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</b>	<b>Thời gian</b> (bắt đầu - kết thúc)
1			
2			



<b>15. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì hoặc tham gia</b> (trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)			
<i>Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì</i>	<i>Thời gian (bắt đầu - kết thúc)</i>	<i>Thuộc Chương trình (nếu có)</i>	<i>Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)</i>
<i>Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã tham gia</i>	<i>Thời gian (bắt đầu - kết thúc)</i>	<i>Thuộc Chương trình (nếu có)</i>	<i>Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)</i>
<b>16. Giải thưởng</b> (về KH-CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)			
TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng	
<b>17. Thành tựu hoạt động KH-CN và sản xuất kinh doanh khác</b> (liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)			

....., ngày ..... tháng ..... năm 200...

Tổ chức - nơi làm việc của cá nhân đăng ký chủ nhiệm đề tài, dự án SXTN  
(Xác nhận và đóng dấu)

Cá nhân đăng ký chủ nhiệm đề tài, dự án SXTN  
(Họ tên và chữ ký)

Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Ông, Bà ..... chủ trì thực hiện đề tài, dự án



## TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI

1. Tên tổ chức (cơ quan):
2. Chức năng hoạt động:
3. Số cán bộ nghiên cứu hiện có liên quan đến đề tài, dự án tham gia sơ tuyển:
4. Kinh nghiệm và thành tựu nghiên cứu trong 5 năm gần nhất
5. Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến đề tài, dự án tham gia sơ tuyển (nhà xưởng, trang thiết bị chủ yếu)
6. Khả năng huy động cộng tác viên khác cùng tham gia nghiên cứu
7. Khả năng thuê mướn cơ sở vật chất kỹ thuật (*nếu phải thuê mướn*)

Tp.Hồ Chí Minh , ngày .....tháng .....năm .....

**Thủ trưởng**

**Cơ quan đăng ký chủ trì đề tài, dự án**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)